

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2022/DS-ST**

Ngày: 10-6-2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh
2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Trần Thị Thanh Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân TP.Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **83/2022/TLST-DS** ngày 23 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 512/2022/QĐST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị T**, sinh năm 1968 – Vắng mặt.

Địa chỉ: 26/28, ấp T, xã T1, huyện V, tỉnh Đ.

Bị đơn: **Ông Hà Tấn T1**, sinh năm 1970 – Vắng mặt.

Địa chỉ: A4/24, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Bà và ông Hà Tấn T1 có quen biết nhau nên ông T1 có hỏi mượn tiền của bà để làm ăn. Bà có cho ông Hà Tấn T1 vay số tiền là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), có viết giấy mượn nợ đề ngày 21/10/2020. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 (một) tháng không tính lãi suất. Tuy nhiên, đến hạn trả là ngày 21/11/2020, ông T1 không thực hiện như thỏa thuận đã cam kết trong giấy nợ.

Sau nhiều lần yêu cầu ông T1 trả cho bà số tiền trên, nhưng ông T1 chỉ hứa hẹn mà không chịu trả cho bà như thoả thuận.

Do vậy, bà yêu cầu Tòa án buộc ông T1 trả cho bà số tiền vay là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật tạm tính từ ngày 21/11/2020 đến ngày xét xử.

*** Bị đơn ông Hà Tấn T1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không đến Tòa án làm việc và không có bản khai nộp Tòa án.**

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T. Buộc bị đơn ông Hà Tấn T1 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc vay 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 22/11/2020 đến ngày xét xử là ngày 10/6/2022.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Hà Tấn T1 phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa xét xử. Riêng ông Hà Tấn T1 mặc dù đã được Tòa án nhiều lần triệu tập đến tòa làm việc, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Hà Tấn T1, cư trú tại địa chỉ 2A4/24, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh D. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[3] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện ông Hà Tấn T1 yêu cầu thanh toán số tiền vay nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[4] Về áp dụng pháp luật: Giao dịch giữa bà Nguyễn Thị T và ông Hà Tấn T1 được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[5] Qua đơn khởi kiện và bản tự khai của bà T cùng các chứng cứ khác thể hiện tại hồ sơ là Giấy mượn nợ đề ngày 21/10/2020, nhận thấy có đủ căn cứ xác định vào ngày 21/10/2020, ông T1 có vay của bà T số tiền **450.000.000đ** (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), thoả thuận thời hạn vay là 30 ngày (21/10/2020 đến ngày 21/11/2020), không thoả thuận lãi suất. Như vậy, ông T1 phải có nghĩa vụ trả số tiền đã vay là 450.000.000đ

(Bốn trăm năm mươi triệu đồng) cho bà T vào ngày 21/11/2020. Tuy nhiên, đến hạn ông T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ như thoả thuận theo nội dung của giấy mượn nợ trên.

Đồng thời, trong trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã niêm yết các chứng cứ khởi kiện cho ông T1 biết nhưng không có ý kiến phản hồi, cố tình vắng mặt nên xem như đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và mặc nhiên thừa nhận nợ.

Từ những nhận định trên, căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ.

Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc ông T1 có trách nhiệm trả cho bà T số tiền gốc và tiền lãi như sau:

- Tiền gốc: 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng);

- Tiền lãi tính từ ngày 22/11/2020 đến ngày xét xử (10/6/2022) làm tròn là 18 tháng: $450.000.000 \times 10\%/năm (0,833\%/tháng) \times 18 \text{ tháng} = 67.473.000\text{đ}$ (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

[5] Về án phí DSST: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị đơn ông T1 phải chịu số tiền 24.697.000đ (Hai mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 203, 220, 227, 238, 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Hà Tấn T1 có trách nhiệm trả cho bà T tổng số tiền **517.473.000đ** (Năm trăm mười bảy triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Án phí DSST: Ông Hà Tấn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 24.697.000đ (Hai mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn đồng). Hoàn trả cho bà T số tiền 12.200.000đ (Mười hai triệu hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001438 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị T, ông Hà Tấn T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Diệp